

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 29/04/2025

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

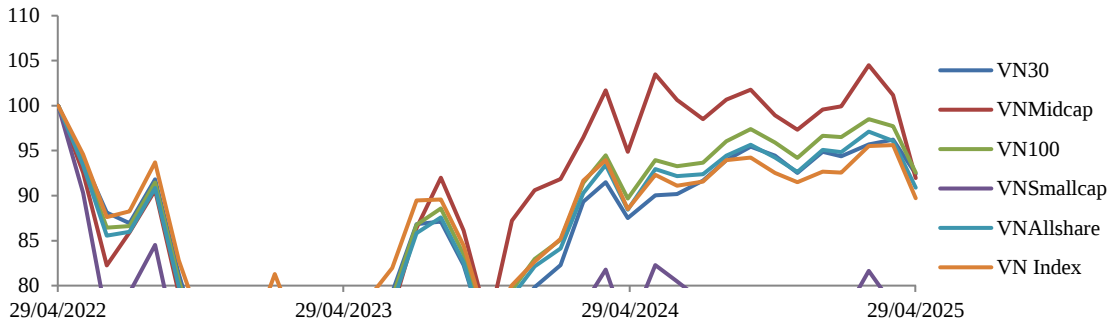
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2022 đến 29/04/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	-38.81%	14.75%	15.89%	-5.40%	-4.17%	-3.53%	2.77%	-9.10%	84.94%	-3.13%	13.09%
VN30	-35.52%	8.04%	18.83%	-3.97%	-2.08%	-2.16%	5.58%	-7.59%	83.09%	-2.60%	12.86%
VNMidcap	-42.30%	28.82%	10.39%	-9.11%	-7.99%	-7.05%	-3.08%	-8.05%	124.47%	-2.76%	17.55%
VN100	-37.62%	13.95%	16.62%	-5.27%	-4.10%	-3.48%	3.20%	-7.44%	84.57%	-2.54%	13.04%
VNSmallcap	-51.74%	25.06%	5.92%	-7.27%	-5.29%	-4.27%	-3.43%	-27.81%	97.03%	-10.30%	14.53%
VN-Index	-33.99%	8.24%	11.93%	-6.16%	-3.06%	-3.02%	1.39%	-10.28%	59.44%	-3.55%	9.78%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	13.90%	15.08%	17.96%	37.07%	47.21%
VN30	13.77%	15.01%	17.68%	36.17%	47.09%
VNMidcap	15.36%	16.58%	20.32%	42.84%	58.41%
VN100	13.96%	15.18%	18.04%	37.19%	49.03%
VNSmallcap	13.85%	14.82%	18.77%	39.29%	50.48%
VN-Index	13.83%	14.68%	17.27%	34.05%	44.11%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	99.62%	99.32%	99.10%	98.85%	98.86%
VN30	98.58%	98.16%	97.42%	97.90%	97.42%
VNMidcap	95.91%	95.72%	94.97%	93.63%	82.83%
VN100	99.55%	99.20%	98.94%	98.84%	95.29%
VNSmallcap	94.76%	93.27%	90.51%	89.20%	85.05%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	285	30	70	100	185
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,756,132	3,617,597	890,207	4,507,804	248,329
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,093,030	1,443,303	521,289	1,964,592	128,437
Trung bình	7,344	48,110	7,447	19,646	694
Cao nhất	136,795	136,795	30,004	136,795	6,038
Thấp nhất	21	2,277	861	861	21
Trung vị	1,009	45,846	5,676	6,975	430
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.54%	9.48%	5.76%	6.96%	4.70%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	42.97%	62.31%	38.58%	45.78%	25.05%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn

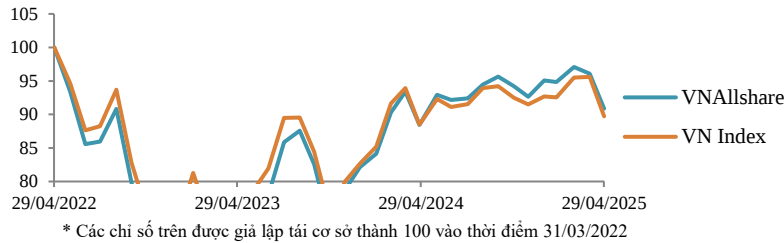


VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

Đặc điểm chỉ số

	285
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,756,132
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,093,030
Trung bình	7,344
Cao nhất	136,795
Thấp nhất	21
Trung vị	1,009
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.54%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	42.97%

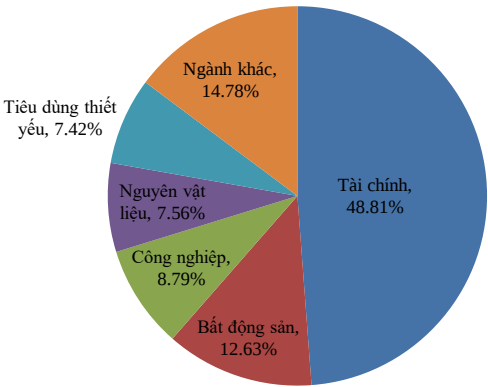
Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2022 đến 29/04/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	-38.81%	14.75%	15.89%	-5.40%	-4.17%	-3.53%	2.77%	-9.10%	84.94%	-3.13%	13.09%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	39	1,021,636	48.81%
Bất động sản	39	264,352	12.63%
Công nghiệp	74	183,945	8.79%
Nguyên vật liệu	42	158,312	7.56%
Tiêu dùng thiết yếu	25	155,363	7.42%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	13.90%	15.08%	17.96%	37.07%	47.21%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	99.62%	99.32%	99.10%	98.85%	98.86%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	136,795	6.54%
2	TCB	Tài chính	120,774	5.77%
3	ACB	Tài chính	96,681	4.62%
4	LPB	Tài chính	92,374	4.41%
5	HPG	Nguyên vật liệu	89,707	4.29%
6	MBB	Tài chính	79,040	3.78%
7	VIC	Bất động sản	78,003	3.73%
8	STB	Tài chính	73,712	3.52%
9	MWG	Khu vực tiêu dùng	66,644	3.18%
10	VPB	Tài chính	65,653	3.14%
Tổng cộng			899,382	42.97%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

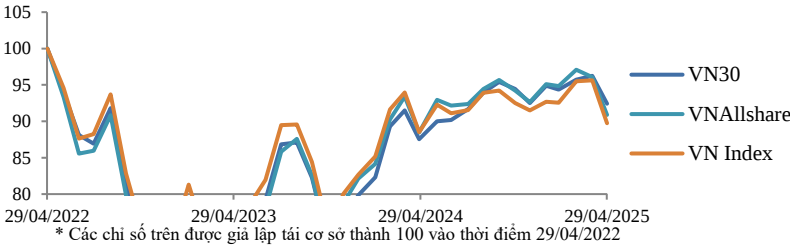


VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,617,597
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,443,303
Trung bình	48,110
Cao nhất	136,795
Thấp nhất	2,277
Trung vị	45,846
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	9.48%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	62.31%

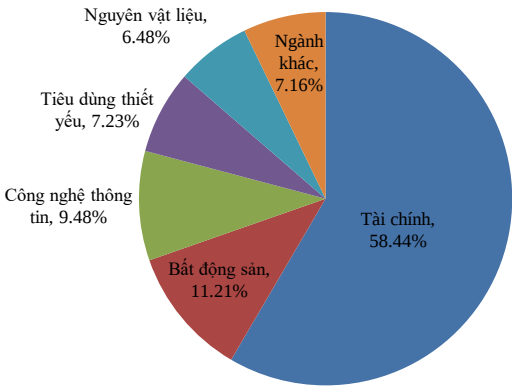
Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2022 đến 29/04/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN30	-35.52%	8.04%	18.83%	-3.97%	-2.08%	-2.16%	5.58%	-7.59%	83.09%	-2.60%	12.86%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	16	843,485	58.44%
Bất động sản	4	161,744	11.21%
Công nghệ thông tin	1	136,795	9.48%
Tiêu dùng thiết yếu	3	104,382	7.23%
Nguyên vật liệu	2	93,499	6.48%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	13.77%	15.01%	17.68%	36.17%	47.09%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	98.58%	98.16%	97.42%	97.90%	97.42%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	136,795	9.48%
2	TCB	Tài chính	120,774	8.37%
3	ACB	Tài chính	96,681	6.70%
4	LPB	Tài chính	92,374	6.40%
5	HPG	Nguyên vật liệu	89,707	6.22%
6	MBB	Tài chính	79,040	5.48%
7	VIC	Bất động sản	78,003	5.40%
8	STB	Tài chính	73,712	5.11%
9	MWG	Khu vực tiêu dùng	66,644	4.62%
10	VPB	Tài chính	65,653	4.55%
Tổng cộng			899,382	62.31%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	890,207
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	521,289
Trung bình	7,447
Cao nhất	30,004
Thấp nhất	861
Trung vị	5,676
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.76%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	38.58%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

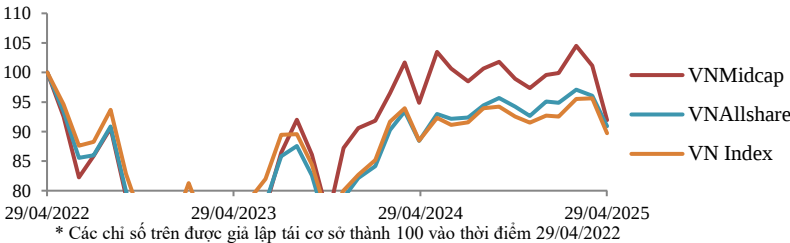
Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	15.36%	16.58%	20.32%	42.84%	58.41%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	95.91%	95.72%	94.97%	93.63%	82.83%

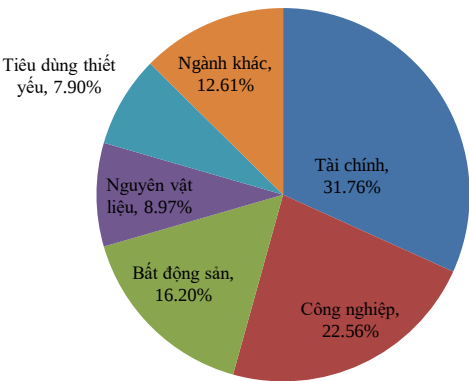
Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2022 đến 29/04/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	-42.30%	28.82%	10.39%	-9.11%	-7.99%	-7.05%	-3.08%	-8.05%	124.47%	-2.76%	17.55%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	EIB	Tài chính	30,004	5.76%
2	MSB	Tài chính	26,208	5.03%
3	DGC	Nguyên vật liệu	20,736	3.98%
4	NAB	Tài chính	19,699	3.78%
5	PNJ	Khu vực tiêu dùng	19,220	3.69%
6	GMD	Công nghiệp	18,930	3.63%
7	GEX	Công nghiệp	17,081	3.28%
8	VND	Tài chính	16,669	3.20%
9	VIX	Tài chính	16,558	3.18%
10	KDH	Bất động sản	15,986	3.07%
	Tổng cộng		201,091	38.58%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	12	165,580	31.76%
Công nghiệp	19	117,582	22.56%
Bất động sản	11	84,465	16.20%
Nguyên vật liệu	8	46,735	8.97%
Tiêu dùng thiết yếu	7	41,169	7.90%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

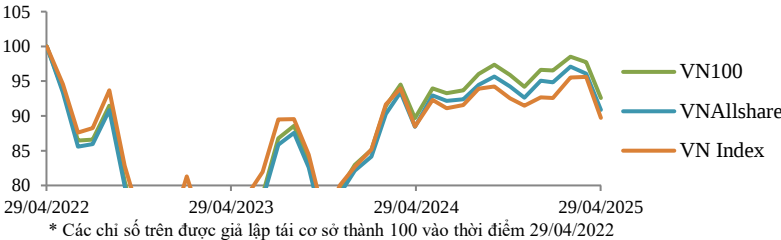


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,507,804
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,964,592
Trung bình	19,646
Cao nhất	136,795
Thấp nhất	861
Trung vị	6,975
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.96%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	45.78%

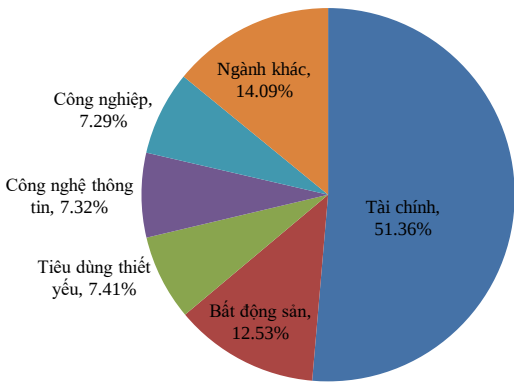
Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2022 đến 29/04/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN100	-37.62%	13.95%	16.62%	-5.27%	-4.10%	-3.48%	3.20%	-7.44%	84.57%	-2.54%	13.04%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	28	1,009,064	51.36%
Bất động sản	15	246,209	12.53%
Tiêu dùng thiết yếu	10	145,551	7.41%
Công nghệ thông tin	3	143,721	7.32%
Công nghiệp	20	143,200	7.29%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VN100: Theo thời gian thực (5giây/ lần)
- VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	13.96%	15.18%	18.04%	37.19%	49.03%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	99.55%	99.20%	98.94%	98.84%	95.29%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	136,795	6.96%
2	TCB	Tài chính	120,774	6.15%
3	ACB	Tài chính	96,681	4.92%
4	LPB	Tài chính	92,374	4.70%
5	HPG	Nguyên vật liệu	89,707	4.57%
6	MBB	Tài chính	79,040	4.02%
7	VIC	Bất động sản	78,003	3.97%
8	STB	Tài chính	73,712	3.75%
9	MWG	Khu vực tiêu dùng	66,644	3.39%
10	VPB	Tài chính	65,653	3.34%
Tổng cộng			899,382	45.78%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

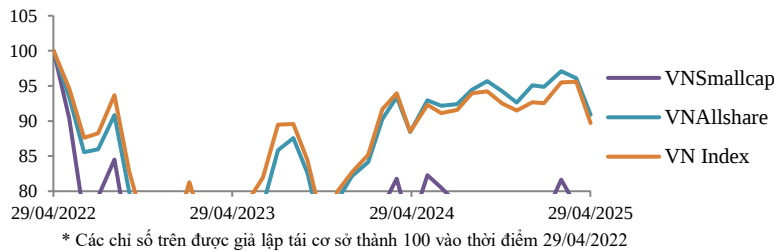


VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	185
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	248,329
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	128,437
Trung bình	694
Cao nhất	6,038
Thấp nhất	21
Trung vị	430
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	4.70%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	25.05%

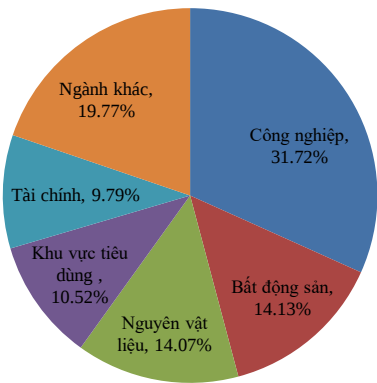
Tăng trưởng chỉ số từ 29/04/2022 đến 29/04/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	-51.74%	25.06%	5.92%	-7.27%	-5.29%	-4.27%	-3.43%	-27.81%	97.03%	-10.30%	14.53%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	54	40,745	31.72%
Bất động sản	24	18,143	14.13%
Nguyên vật liệu	32	18,077	14.07%
Khu vực tiêu dùng	26	13,506	10.52%
Tài chính	11	12,572	9.79%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	13.85%	14.82%	18.77%	39.29%	50.48%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	94.76%	93.27%	90.51%	89.20%	85.05%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VSC	Công nghiệp	6,038	4.70%
2	BAF	Tiêu dùng thiết yếu	4,912	3.82%
3	HAH	Công nghiệp	4,674	3.64%
4	DBD	Chăm sóc sức khỏe	3,936	3.06%
5	ORS	Tài chính	2,439	1.90%
6	SAM	Công nghiệp	2,352	1.83%
7	IJC	Công nghiệp	2,200	1.71%
8	SHI	Công nghiệp	1,995	1.55%
9	HHS	Công nghiệp	1,822	1.42%
10	APG	Tài chính	1,802	1.40%
Tổng cộng			32,170	25.05%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float):

Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản:

Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare:

Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100:

Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap:

Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

